

MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM NGOẠI HÌNH VÀ NĂNG SUẤT SINH SẢN CỦA ĐÀN SẢN XUẤT GÀ H'RE NUÔI TẠI TỈNH QUẢNG NGÃI

Lê Đức Thọ, Đinh Văn Dũng*

Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế

*Tác giả liên hệ: dinhvandung@huaf.edu.vn

Nhận bài: 06/02/2026 Hoàn thành phản biện: 10/03/2026 Chấp nhận bài: 13/03/2026

TÓM TẮT

Nghiên cứu được thực hiện nhằm đánh giá một số đặc điểm ngoại hình và năng suất sinh sản của đàn sản xuất gà H're nuôi tại tỉnh Quảng Ngãi. Tổng số 4.005 con gà được theo dõi từ 01 ngày tuổi đến 20 tuần tuổi để đánh giá một số đặc điểm ngoại hình. Tại thời điểm 20 tuần tuổi, tổng cộng 1.500 gà mái và 200 gà trống đã được chọn lọc để theo dõi các chỉ tiêu sinh sản đến 72 tuần tuổi. Kết quả cho thấy gà con mới nở có màu lông đa dạng, trong đó kiểu lông đen lưng bụng vàng chiếm tỷ lệ cao nhất (79,68%); đến 08 tuần tuổi, tỷ lệ gà có màu lông đen đạt 81,48–86,59% và đến 20 tuần tuổi hầu hết gà mang màu lông đen đặc trưng của giống (100% gà trống và 99,21% gà mái), chân và mỏ chủ yếu là màu chì. Gà H're bắt đầu đẻ trứng ở 20 tuần tuổi, đạt đỉnh tỷ lệ đẻ ở 33 tuần tuổi; tỷ lệ đẻ trung bình giai đoạn 20–72 tuần tuổi đạt 18,73%, năng suất trứng cộng dồn đạt 69,68 quả/mái. Khối lượng trứng trung bình đạt 41,24 g/quả, chỉ số Haugh đạt 74, phản ánh chất lượng trứng ở mức tốt. Tỷ lệ trứng có phôi đạt 90,8%, tỷ lệ nở/trứng có phôi đạt 81,2% và tỷ lệ gà chọn nuôi là 94,9%. Kết quả nghiên cứu cho thấy đàn sản xuất gà H're có màu lông, chân và mỏ ổn định, năng suất và khối lượng trứng thấp nhưng tỷ lệ có phôi, tỷ lệ nở và chọn nuôi cao hơn so với các giống gà nội khác.

Từ khóa: Chất lượng trứng, Gà H're, Màu lông, Năng suất trứng, Tỷ lệ đẻ

SOME MORPHOLOGICAL CHARACTERISTICS AND REPRODUCTIVE PERFORMANCE OF H'RE CHICKEN PRODUCTION FLOCK RAISED IN QUANG NGAI PROVINCE

Le Duc Thao, Dinh Van Dung*

University of Agriculture and Forestry, Hue University

*Corresponding author: dinhvandung@huaf.edu.vn

Received: 06/02/2026

Revised: 10/03/2026

Accepted: 13/03/2026

ABSTRACT

The study was conducted to evaluate the morphological characteristics and reproductive performance of a H're chicken production flock raised in Quang Ngai province. A total of 4,005 H're chickens were monitored from 1 day of age to 20 weeks of age to assess morphological characteristics. At 20 weeks of age, a selected flock of 1,500 hens and 200 roosters were used to evaluate reproductive traits until 72 weeks of age. The results showed that newly hatched chicks exhibited diverse plumage colors, with black dorsal and yellow ventral feathers accounting for the highest proportion (79.68%). By 8 weeks of age, the proportion of black plumage ranged from 81.48 to 86.59%, and by 20 weeks, most birds exhibited the breed's characteristic black plumage (100% in males and 99.21% in females), with predominantly slate-colored shanks and beaks. H're chickens started laying at 20 weeks of age, reaching peak production at 33 weeks of age. The average laying rate was 18.73% during 20–72 weeks of age, with a cumulative egg production of 69.68 eggs per hen. The average egg weight was 41.24 g, and the Haugh unit reached 74, indicating good egg quality. The fertility rate was 90.8%, hatchability of fertile eggs was 81.2%, and the proportion of chicks selected for rearing was 94.9%. The findings indicated that the H're production flock exhibited stable plumage, shank, and beak coloration. Although egg production and egg weight were relatively low, fertility, hatchability, and chick selection rates were higher compared to other indigenous chicken breeds.

Keywords: Egg quality, Egg production, Feather color, H're chicken, Laying rate

1. MỞ ĐẦU

Chăn nuôi, đặc biệt là chăn nuôi gia cầm, giữ vị trí quan trọng trong sản xuất nông hộ và góp phần đáng kể vào thu nhập của người dân. Dù chịu tác động của nhiều yếu tố bất lợi, chăn nuôi gia cầm trong những năm gần đây vẫn đạt được một số kết quả tích cực. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê (2025), tổng đàn gia cầm của Việt Nam năm 2024 đạt 584,1 triệu con, trong đó đàn gà chiếm hơn 481,0 triệu con, tương đương 82,3%. Quy mô sản xuất gia cầm đạt 2,46 triệu tấn thịt và gần 24,4 tỷ quả trứng. Tuy vậy, sản lượng thịt và trứng chủ yếu tập trung từ các giống gà nhập nội, sự đóng góp từ nguồn gen gà bản địa chưa đáng kể. Ở Việt Nam có rất nhiều giống gà bản địa có khả năng thích nghi tốt với điều kiện địa phương, tuy nhiên việc khai thác và sử dụng các nguồn gen quý này vẫn còn nhiều hạn chế. Gà H're cũng là một trong những giống đang đối mặt với thực trạng trên. Gà H're (gà Re) là giống gà có lịch sử hình thành lâu đời tại huyện Ba Tơ (cũ), tỉnh Quảng Ngãi, gắn với cộng đồng người H're. Theo đánh giá của người dân địa phương, đây là giống gà có giá trị cao, mang tính đặc trưng vùng miền. Gà H're là giống gà bản địa có hình thể nhỏ, thân hình gọn và linh hoạt, thích nghi tốt với điều kiện chăn nuôi bán chăn thả. Đặc điểm nhận dạng nổi bật của giống là sự phong phú về màu lông, chủ yếu gồm đen, trắng ngà và đen pha trắng; màu chân thường gặp là màu chì hoặc vàng. Gà có khả năng vận động và bay nhảy khá tốt, chất lượng thịt được đánh giá cao nhờ mùi vị thơm ngon, với khối lượng cơ thể khi trưởng thành vào khoảng 1,2 kg/con. Gà H're được ghi nhận là giống gà bản địa có khả năng thích nghi cao với điều kiện sinh thái miền núi của tỉnh Quảng Ngãi, đồng thời có sức đề kháng khá tốt đối với một số bệnh thường gặp. Trước đây, giống gà này được nuôi phổ biến trong các hộ gia đình

người H're và giữ vai trò quan trọng trong đời sống văn hóa, tín ngưỡng, đặc biệt trong các nghi lễ truyền thống của cộng đồng địa phương. Tuy nhiên, cùng với sự cải thiện mức sống và sự gia tăng của các sản phẩm chăn nuôi từ khu vực đồng bằng, tập quán nuôi gà H're dần bị thu hẹp, khiến quy mô đàn suy giảm đáng kể và giống gà này ngày càng trở nên hiếm.

Hiện nay, gà H're cũng như nhiều giống gà bản địa khác đang đối mặt với nguy cơ lai tạp, thậm chí nguy cơ tuyệt chủng. Mặc dù có giá trị về thích nghi và chất lượng sản phẩm, các dẫn liệu khoa học liên quan đến đặc điểm ngoại hình và đặc biệt là khả năng sinh sản của giống gà này còn rất hạn chế. Để phát huy nguồn gen quý hiếm này, Bộ Khoa học và Công nghệ đã phê duyệt thực hiện nhiệm vụ: “Sản xuất thử nghiệm giống gà H're tại một số tỉnh vùng Bắc Trung Bộ”, mã số NVQG-2021/DA.03. Dự án thực hiện nhiều nội dung, trong đó có nội dung xây dựng đàn sản xuất gà H're. Bài báo này thể hiện kết quả về ngoại hình và năng suất sinh sản của đàn sản xuất gà H're đến 72 tuần tuổi.

2. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là đàn sản xuất gà H're, tổng số con theo dõi lúc 1 ngày tuổi là 4.005 con. Giai đoạn 20-72 tuần tuổi có tổng 1.500 con mái và 200 con trống gà H're sinh sản (đàn sản xuất), được chọn lọc từ 4005 con.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- Đánh giá ngoại hình của gà: Ngoại hình của gà được đánh giá tại các thời điểm 1 ngày tuổi (4.005 con), 08 tuần tuổi (1.544 con trống và 2.215 con mái) và lúc 20 tuần tuổi (376 con trống và 1776 con mái). Chỉ tiêu đánh giá gồm màu sắc của lông, màu mỏ và màu chân. Đánh giá ngoại hình được

thực hiện thông qua quan sát bằng mắt thường theo Tiêu chuẩn cơ sở đàn sản xuất gà H're (TCCS 11:2022/NT).

Tại 8 và 20 tuần tuổi, các cá thể được đánh giá là những con được chọn giữ làm hậu bị sinh sản theo Tiêu chuẩn cơ sở, bảo đảm khỏe mạnh, phát triển bình thường, khối lượng đạt tiêu chuẩn theo tuổi và có đặc điểm ngoại hình phù hợp; các cá thể không đạt yêu cầu đã được loại thải trước khi đánh giá.

- Đánh giá năng suất sinh sản: Năng suất sinh sản của gà được theo dõi và đánh giá trong giai đoạn từ 20 đến 72 tuần tuổi. Tổng cộng 1.500 gà mái và 200 gà trống mang đặc điểm đặc trưng của giống H're

được sử dụng trong thí nghiệm. Gà được nuôi trong 10 ô chuồng hở, nền lót bằng trấu, với tỷ lệ trống/mái là 1/7,5; mỗi ô chuồng bố trí 150 gà mái và 20 gà trống, được trang bị đầy đủ máng ăn, máng uống và ổ đẻ. Trứng được thu thập, theo dõi và ghi chép hằng ngày theo từng ô chuồng. Chế độ nuôi dưỡng được trình bày ở Bảng 1, trong đó gà giai đoạn hậu bị được cho ăn hạn chế, còn gà giai đoạn đẻ được cho ăn theo tỷ lệ đẻ (Bảng 2). Về chế độ chiếu sáng, gà hậu bị được nuôi dưới ánh sáng tự nhiên; trong giai đoạn đẻ trứng, đàn gà được bổ sung chiếu sáng nhân tạo với thời gian chiếu sáng 16 giờ/ngày và cường độ ánh sáng 50 lux.

Bảng 1. Chế độ nuôi dưỡng gà qua các giai đoạn

Giai đoạn nuôi	Loại thức ăn	Giá trị dinh dưỡng	Mức cho ăn	Phương thức nuôi
Từ 1 ngày tuổi -8 TT	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho gà thịt	ME: 3.000 kcal/kg CP: 20%	Ăn tự do	Chuồng hở, trên nền
Từ 9-20 TT	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho gà hậu bị	ME: 2.800 kcal/kg CP: 17%	Cho ăn hạn chế	Chuồng hở, trên nền
Từ 20-72 TT	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho gà đẻ trứng	ME: 2.750 kcal/kg CP: 16%	Ăn theo tỷ lệ đẻ	Chuồng hở, trên nền

TT: tuần tuổi; ME: năng lượng trao đổi; CP: protein thô; Giá trị dinh dưỡng được xác định theo thông tin công bố trên bao bì sản phẩm của nhà sản xuất.

Bảng 2. Định lượng thức ăn cho đàn sản xuất gà H're giai đoạn sinh sản

Tỷ lệ đẻ (%)	Thức ăn/ngày (g/con)
5%	80-95
10%	85-90
15%	90-95
20%	90-95
30%	95-100
40%	95-100
≥50%	95-100

Tại thời điểm 38 tuần tuổi, trứng được thu thập để đánh giá các chỉ tiêu chất lượng trứng; trong đó, 50 quả trứng được sử dụng để phân tích chất lượng trứng và 1.200 quả trứng được sử dụng để ấp nhằm đánh giá tỷ lệ ấp nở.

2.3. Các chỉ tiêu theo dõi

Các chỉ tiêu ngoại hình gồm màu sắc lông, màu sắc mỏ và màu sắc chân được

quan sát tại 1 ngày tuổi, 8 và 20 tuần tuổi. Các chỉ tiêu năng suất sinh sản gồm tuổi đẻ quả trứng đầu tiên, tuổi đẻ 5%, tuổi đẻ đỉnh cao, tỷ lệ đẻ, năng suất trứng và tiêu tốn thức ăn/10 quả trứng. Các chỉ tiêu đánh giá chất lượng trứng gồm khối lượng trứng, chỉ số hình thái, tỷ lệ lòng đỏ, chỉ số lòng đỏ, tỷ lệ lòng trắng, chỉ số lòng trắng, tỷ lệ vỏ và chỉ số Haugh. Các chỉ tiêu đánh giá tỷ lệ ấp nở gồm tỷ lệ trứng có phôi/trứng ấp, tỷ lệ

nở/trứng có phôi, tỷ lệ nở/trứng đem ấp và tỷ lệ gà chọn nuôi/tổng gà nở. Các chỉ tiêu về sinh sản được theo dõi theo phương pháp của Bùi Hữu Đoàn và cs. (2011).

2.4. Quản lý và xử lý số liệu

Số liệu được thu thập, quản lý và xử lý bằng phần mềm Excel 2019. Các giá trị được trình bày trong các bảng kết quả là giá trị trung bình, độ lệch chuẩn và hệ số biến động.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Màu sắc của đàn sản xuất gà H're ở các giai đoạn

Đặc điểm ngoại hình của đàn sản xuất gà H're ở các giai đoạn tuổi được phản ánh qua số liệu trình bày tại Bảng 3. Ở thời điểm 1 ngày tuổi, gà con có sự đa dạng về màu lông, trong đó kiểu lông lưng đen, bụng vàng chiếm tỷ lệ cao nhất (79,68%), tiếp theo là màu xám nâu (11,01%), trong khi các màu vàng và đen chấm trắng chiếm tỷ lệ thấp. Về màu chân và màu mỏ, màu chì chiếm ưu thế với tỷ lệ lần lượt là 86,14% và 85,87%, cho thấy ngay từ giai đoạn gà con đã xuất hiện rõ đặc điểm màu sắc đặc trưng của giống. Đến 8 tuần tuổi, màu lông đen

chiếm tỷ lệ chủ yếu ở cả gà trống (81,48%) và gà mái (86,59%), trong khi màu xám đen dao động từ 11,20% đến 13,99%. Tỷ lệ gà có màu chân và màu mỏ chì tiếp tục chiếm ưu thế, lần lượt là 85,22–88,89% và 86,08–87,85%, phản ánh xu hướng ổn định dần các đặc điểm ngoại hình theo tuổi. Ở 20 tuần tuổi, đàn sản xuất gà H're thể hiện sự đồng nhất cao về ngoại hình. Tỷ lệ gà trống có màu lông đen đạt 100%, trong khi gà mái đạt 99,21%, chỉ còn một tỷ lệ rất nhỏ gà mái có màu xám đen (0,62%). Màu chân và màu mỏ ở cả gà trống và gà mái đều là màu chì (100%). Sự khác biệt giữa giai đoạn 1 ngày tuổi và 20 tuần tuổi chủ yếu do gà sơ sinh mang lông tơ, màu sắc chưa phản ánh hoàn toàn kiểu lông trưởng thành. Sau quá trình thay lông và hoàn thiện biểu hiện gen sắc tố, kiểu hình lông đen đặc trưng được biểu hiện ổn định. Kết quả cho thấy đàn gà H're có mức độ đồng nhất cao về ngoại hình khi trưởng thành, phù hợp với tiêu chuẩn giống. Điều này cho thấy, đến 20 tuần tuổi, đàn sản xuất gà H're đã cơ bản biểu hiện đầy đủ và ổn định các đặc điểm ngoại hình đặc trưng của giống, bao gồm lông đen, chân và mỏ màu chì.

Bảng 3. Một số đặc điểm ngoại hình của đàn sản xuất gà H're qua các giai đoạn

Chỉ tiêu	1 ngày tuổi	8 tuần tuổi		20 tuần tuổi		
		Trống	Mái	Trống	Mái	
Số lượng gà (con)	4005	1544	2215	376	1776	
Màu lông	Đen, bụng vàng (%)	79,68	-	-	-	
	Đen (%)	-	81,48	86,59	100	99,21
	Xám nâu (%)	11,01	-	-	-	-
	Xám đen (%)	-	13,99	11,20	-	0,62
	Vàng (%)	4,24	1,42	0,54	-	-
Đen chấm trắng (%)	5,07	3,11	1,67	-	-	
Màu chân	Chì (%)	86,14	85,22	88,89	100	100
	Vàng (%)	13,86	14,78	11,11	-	-
Màu mỏ	Chì (%)	85,87	86,08	87,85	100	100
	Vàng (%)	14,13	13,92	12,15	-	-

3.2. Tuổi thành thực sinh dục và năng suất sinh sản của đàn sản xuất gà H're

Kết quả đánh giá tuổi thành thực sinh dục của đàn sản xuất gà H're được thể hiện

ở Bảng 4. Kết quả cho thấy đàn gà bắt đầu đẻ trứng ở 134,2 ngày tuổi, tương ứng khoảng 20 tuần tuổi. Tỷ lệ đẻ 5% của gà thí nghiệm đạt lúc 21 tuần tuổi. Tỷ lệ đẻ có xu

hướng tăng lên theo thời gian và đạt đỉnh cao ở 33 tuần tuổi và sau đó giảm dần. Nghiên cứu của Ngô Thị Kim Cúc và cs. (2016) cho thấy, qua bốn thế hệ theo dõi, gà Mía có tuổi đẻ trứng đầu tiên ở 22 tuần tuổi (152–154 ngày), đạt mức đẻ 5% ở 24–25 tuần tuổi và đạt đỉnh đẻ ở 31–32 tuần tuổi. Theo Nguyễn Trọng Tuyên (2017), qua theo dõi bốn thế hệ gà Móng Tiên Phong, đàn gà bắt đầu đẻ trứng ở 21–22 tuần tuổi (trung ứng 147–153 ngày), đạt tỷ lệ đẻ 5%

ở 23–24 tuần tuổi và đạt đỉnh tỷ lệ đẻ vào giai đoạn 29–30 tuần tuổi. Phạm Kim Đăng (2019) báo cáo rằng, ở giống gà Mía sau một thế hệ chọn lọc, tuổi đạt tỷ lệ đẻ 5% và thời điểm đạt đỉnh lần lượt là 158 ngày và 234 ngày. Như vậy, đàn sản xuất gà H're bắt đầu bước vào giai đoạn sinh sản sớm hơn, thể hiện qua tuổi đẻ trứng đầu tiên và thời điểm đạt tỷ lệ đẻ 5% sớm hơn so với một số giống gà bản địa khác.

Bảng 4. Tuổi thành thực sinh dục của đàn sản xuất gà H're

Các chỉ tiêu	Tuần tuổi (tuần)	Ngày tuổi (ngày)
Tuổi đẻ quả trứng đầu tiên	20	134,2 ± 0,71
Tuổi đẻ đạt tỷ lệ 5%	21	145,7 ± 0,51
Tuổi đẻ đỉnh cao (%)	33	229,6 ± 1,89

Kết quả theo dõi diễn biến tỷ lệ đẻ của đàn sản xuất gà H're được tổng hợp trong Bảng 5. Số liệu cho thấy, tỷ lệ đẻ tăng dần theo tuổi, bắt đầu từ mức thấp ở giai đoạn 20–23 tuần (4,19%), sau đó tăng nhanh và đạt giá trị cao nhất vào tuần 32–35 (32,83%). Giai đoạn đẻ ổn định được duy trì đến khoảng tuần thứ 39, sau đó giảm dần ở các tuần tiếp theo, phản ánh đúng quy luật sinh sản tự nhiên của gà. Tính chung trong suốt thời gian từ 20 đến 72 tuần tuổi, tỷ lệ đẻ trung bình của đàn sản xuất gà H're đạt 18,73%, với năng suất trứng tích lũy đạt 69,68 quả/mái.

So sánh với một số giống gà địa phương khác, tỷ lệ đẻ của gà Ri ở 38 tuần tuổi đạt 39,94% (Nguyễn Bá Mùi và Phạm Kim Đăng, 2016), gà Lạc Thủy ở 40 tuần tuổi đạt 33,58% (Trần Thanh Vân và cs. 2015) và gà Sáu ngón ở 39 tuần tuổi đạt 38,24% (Nguyễn Thị Châu Giang và cs. 2017). Như vậy, trong giai đoạn 20–38 tuần tuổi, đàn sản xuất gà H're có tỷ lệ đẻ thấp hơn so với gà Ri và gà Sáu ngón, nhưng tương đương với gà Lạc Thủy. Bên cạnh đó, khi so sánh với đàn gà H're hạt nhân (Lê Đức Thọ và cs., 2024), tỷ lệ đẻ trung bình và năng suất trứng của đàn sản xuất trong giai đoạn 20–72 tuần tuổi đều thấp hơn.

Bảng 5. Tỷ lệ đẻ và năng suất trứng của đàn sản xuất gà H're

Tuần tuổi	Tỷ lệ đẻ (%)	Số trứng/mái (quả)	TTTA/10 quả trứng (kg)
20-23	4,19	1,21	21,69
24-27	10,49	2,94	8,29
28-31	20,92	5,86	4,37
32-35	32,83	9,19	2,86
36-39	31,35	8,78	3,03
40-43	27,36	7,66	3,47
44-47	25,14	7,04	3,78
48-51	24,30	6,81	3,91
52-55	20,36	5,70	4,43
56-59	17,01	4,76	5,17
60-63	13,26	3,71	6,64
64-67	12,19	3,41	7,22
68-72	9,95	3,48	7,10
20-72	18,73	69,68	4,86

TTTA: Tiêu tốn thức ăn

3.3. Chất lượng trứng

Kết quả đánh giá các chỉ tiêu chất lượng trứng của đàn sản xuất gà H're được trình bày ở Bảng 6. Khối lượng trứng trung bình của đàn sản xuất gà H're trong nghiên cứu này đạt 41,24 g/quả, thấp hơn so với giá trị ghi nhận ở giống gà Mía theo Phạm Kim

Đặng (2019). Chỉ số hình thái trứng của đàn sản xuất gà H're là 1,33, tỷ lệ lòng đỏ đạt 32,60%, kết quả này là đạt tiêu chuẩn của trứng giống. Tỷ lệ lòng trắng đạt 55,61%. So với chất lượng trứng của đàn hạt nhân (Lê Đức Thọ và cs. 2024) khối lượng trứng của đàn sản xuất thấp hơn.

Bảng 6. Một số chỉ tiêu chất lượng trứng của đàn sản xuất gà H're (n=50)

Các chỉ tiêu	Trung bình ± SD	CV%
Khối lượng trứng (g)	41,24 ± 2,40	5,81
Chỉ số hình thái	1,33 ± 0,08	5,74
Tỷ lệ lòng đỏ (%)	32,60 ± 3,19	9,79
Chỉ số lòng đỏ	0,39 ± 0,03	7,73
Tỷ lệ lòng trắng (%)	55,61 ± 4,29	7,72
Chỉ số lòng trắng	0,06 ± 0,01	12,45
Tỷ lệ vỏ (%)	11,79 ± 1,82	15,46
Chỉ số Haugh	74,00 ± 3,73	5,04

SD: độ lệch chuẩn; CV: hệ số biến động

Giá trị chỉ số Haugh của trứng ở đàn sản xuất gà H're đạt 74, cho thấy chất lượng trứng ở mức tốt theo phân loại của Bạch Thị Thanh Dân (1995), trong đó trứng có chỉ số Haugh 65–79 được xếp loại tốt. So với các nghiên cứu trước đây, chỉ số Haugh của trứng đàn sản xuất gà H're thấp hơn so với trứng gà Mía (83,12) theo Ngô Thị Kim Cúc và cs. (2016), Nguyễn Duy Vụ và cs.

(2016), cũng như thấp hơn so với trứng gà Móng Tiên Phong (80,67) (Nguyễn Trọng Tuyên, 2017) và trứng gà Hồ (79,28) (Van Duy, Nguyen và cs., 2015).

Khối lượng trứng trung bình của đàn sản xuất gà H're đạt 41,24 g/quả, thấp hơn so với giống gà Mía (45,6–46,6 g/quả) theo các công bố trước đây. Tuy nhiên, nếu xét trong mối tương quan với khối lượng cơ thể

mái, gà H're có khối lượng trứng thành khoảng 1,2 kg/con, thấp hơn đáng kể so với gà Mía (khoảng 1,70 kg/con). Như vậy, tỷ lệ khối lượng trứng so với khối lượng cơ thể ở gà H're tương đương, thậm chí không khác biệt nhiều so với gà Mía, cho thấy khả năng đầu tư sinh sản của giống không thấp khi quy đổi theo quy mô cơ thể. Bên cạnh đó, chỉ số hình thái (1,33) và tỷ lệ lòng đỏ (32,60%) của trứng gà H're tương đương với các giá trị đã được công bố trên một số giống gà bản địa, chứng tỏ cấu trúc và thành phần trứng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của trứng giống. Điều này cho thấy, mặc dù kích thước trứng nhỏ hơn, chất lượng trứng của gà H're vẫn đảm bảo tiêu chuẩn sinh sản và phù hợp cho mục tiêu duy trì, phát triển giống.

Mặc dù khối lượng trứng và chỉ số Haugh của gà H're không cao so với một số giống bản địa khác, các chỉ tiêu chất lượng trứng vẫn đạt mức tốt và có mối liên hệ tích

cực với kết quả ấp nở. Khối lượng trứng trung bình và tỷ lệ lòng đỏ - lòng trắng cân đối giúp phôi phát triển ổn định, trong khi chỉ số Haugh tốt góp phần duy trì môi trường thuận lợi cho phôi. Điều này phù hợp với tỷ lệ trứng có phôi và tỷ lệ nở khá cao, cho thấy chất lượng cấu trúc bên trong trứng quan trọng hơn kích thước trứng đơn thuần đối với hiệu quả ấp nở.

3.4. Kết quả ấp nở

Các chỉ tiêu phản ánh hiệu quả ấp nở của đàn sản xuất gà H're qua 6 đợt ấp được tổng hợp tại Bảng 7. Kết quả phân tích cho thấy tỷ lệ trứng có phôi đạt trung bình 90,8%. Trên số trứng có phôi, tỷ lệ nở đạt 81,2%, tương ứng với tỷ lệ nở trên tổng số trứng đưa vào ấp là 73,8%. Bên cạnh đó, tỷ lệ gà con đạt tiêu chuẩn chọn nuôi so với tổng số gà nở đạt 94,9%, phản ánh chất lượng con giống tương đối đồng đều và ổn định.

Bảng 7. Kết quả ấp nở của đàn sản xuất gà H're lúc 38 tuần tuổi

Các chỉ tiêu	Trung bình \pm SD	CV%
Số trứng ấp (quả)	1.200	
Tỷ lệ trứng có phôi/trứng ấp (%)	90,8 \pm 0,55	0,61
Tỷ lệ nở/trứng có phôi (%)	81,2 \pm 0,89	1,09
Tỷ lệ nở/trứng đem ấp (%)	73,8 \pm 0,56	0,76
Tỷ lệ gà con đạt tiêu chuẩn chọn nuôi/tổng gà nở (%)	94,9 \pm 0,72	0,76

SD: độ lệch chuẩn; CV: hệ số biến động

So sánh với các nghiên cứu trước đây cho thấy, tỷ lệ trứng có phôi của đàn sản xuất gà H're trong nghiên cứu này cao hơn so với gà Đông Tảo (85,96%) theo Lê Thị Thu Hiền và cs. (2015), nhưng thấp hơn so với gà Mía (93,25%) trong nghiên cứu của Phạm Kim Đăng (2019) và thấp hơn rõ rệt so với gà Chọi Bình Định (98,4%) theo Lý Văn Vỹ và cs. (2009).

Xét trên tổng số trứng đưa vào ấp, đàn sản xuất gà H're đạt tỷ lệ nở 73,8%, cho thấy kết quả khả quan so với nhiều giống gà bản địa đã được công bố. Cụ thể, tỷ lệ này vượt mức ghi nhận ở gà Đông Tảo (68,9%) theo Lê Thị Thu Hiền và cs. (2015), cao hơn

khoảng biến động 70,24–72,60% ở gà Mía trong nghiên cứu của Ngô Thị Kim Cúc và cs. (2016), cũng như kết quả trên gà Trụi Lòng Cổ (70,87%) do Dương Thị Phương Lan và cs. (2021) báo cáo. Tuy nhiên, so với nghiên cứu của Nguyễn Duy Vụ và cs. (2016) trên giống gà Mía, tỷ lệ nở của đàn sản xuất gà H're vẫn ở mức thấp hơn (80,03%).

Tỷ lệ nở trên trứng có phôi của đàn sản xuất gà H're đạt 81,2%, cho thấy mức độ tương đồng với kết quả đã được công bố trên các giống gà Hồ, Mía và Móng trong nghiên cứu của Hồ Xuân Tùng và cs.

(2009), khi các giống này có tỷ lệ nở lần lượt là 81,5%, 80,2% và 80,6%.

Tỷ lệ gà chọn nuôi (gà loại 1) của đàn sản xuất gà H're trong nghiên cứu này đạt 94,9%, tương đương với kết quả trên gà Mía của Phạm Kim Đăng (2019) (94%) và cao hơn đáng kể so với gà Chọi Bình Định trong nghiên cứu của Lý Văn Vỹ và cs. (2009) (83,9%).

4. KẾT LUẬN

Kết quả cho thấy đàn sản xuất gà H're có sự đa dạng về màu lông ở giai đoạn 1 ngày tuổi, trong đó kiểu lông lưng đen, bụng vàng chiếm tỷ lệ cao nhất (79,68%). Đến 8 tuần tuổi, màu lông đen chiếm ưu thế và khi đạt 20 tuần tuổi đàn thể hiện mức độ đồng nhất cao về ngoại hình, hầu hết cá thể mang màu lông đen đặc trưng, chân và mỏ màu chì, phản ánh tính ổn định của giống.

Đàn gà có tuổi thành thực sinh dục tương đối sớm, bắt đầu đẻ ở 20 tuần tuổi và đạt đỉnh tỷ lệ đẻ ở 33 tuần tuổi. Trong giai đoạn 20–72 tuần tuổi, tỷ lệ đẻ bình quân đạt 18,73%, tương ứng năng suất trứng cộng dồn 69,68 quả/mái. Khối lượng trứng trung bình đạt 41,24 g/quả và chất lượng trứng ở mức tốt. Tỷ lệ trứng có phôi và tỷ lệ nở tương đối cao (90,8% và 81,2%), tỷ lệ gà chọn nuôi đạt 94,9%, cho thấy đàn sản xuất gà H're có khả năng sinh sản và ấp nở khá tốt, phù hợp cho công tác bảo tồn và phát triển giống trong điều kiện sản xuất.

LỜI CẢM ƠN

Nghiên cứu được thực hiện trong khuôn khổ nhiệm vụ khoa học và công nghệ “Sản xuất thử nghiệm giống gà H're tại một số tỉnh vùng Bắc Trung Bộ” (mã số NVQG-2021/DA.03), do Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt và tài trợ kinh phí. Nhóm tác giả xin chân thành cảm ơn các đơn vị đã phối hợp và hỗ trợ trong suốt quá trình triển khai nghiên cứu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tài liệu tiếng Việt

- Bạch Thị Thanh Dân. (1995). *Kết quả bước đầu xác định các yếu tố hình dạng, khối lượng trứng đối với tỷ lệ ấp nở của trứng ngan*. Kết quả nghiên cứu khoa học-các công trình nghiên cứu của nghiên cứu sinh, Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam.
- Phạm Kim Đăng. (2021). *Nghiên cứu chọn lọc dòng gà Mía có khả năng sinh trưởng cao bằng công nghệ sinh học phân tử*. Báo cáo tổng kết thực hiện đề tài.
- Bùi Hữu Đoàn, Nguyễn Thị Mai, Nguyễn Thanh Sơn và Nguyễn Huy Đạt. (2011). *Một số chỉ tiêu nghiên cứu trong chăn nuôi gia cầm*. Hà Nội: Nhà xuất bản Nông nghiệp.
- Ngô Thị Kim Cúc, Nguyễn Công Định, Trần Trung Thông, Nguyễn Thị Minh Tâm và Phạm Thị Bích Hương. (2016). *Bảo tồn và khai thác nguồn gen gà Mía*. Chuyên khảo Bảo tồn và khai thác nguồn gen vật nuôi Việt Nam. Nhà xuất bản Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, tr.162-171.
- Nguyễn Thị Châu Giang, Nguyễn Khánh Toàn và Đỗ Đức Lực. (2017). *Đặc điểm sinh học và khả năng sản xuất của gà sáu ngón nuôi tại Lạng Sơn*, Kỷ yếu Hội nghị Khoa học toàn quốc Chăn nuôi - Thú y, Trường Đại học Cần Thơ, tr.130-135.
- Lê Thị Thu Hiền, Phùng Đức Tiến, Nguyễn Hữu Cường, Nguyễn Quý Khiêm, Nguyễn Thị Tình, Nguyễn Thị Kim Oanh, Phạm Thùy Linh, Nguyễn Thanh Sơn và Phùng Văn Cảnh. (2015). *Chọn lọc nhân thuần giống gà Đông Tảo*. *Tạp chí Khoa học Công nghệ Chăn nuôi*, 57, 31-38.
- Dương Thị Phương Lan, Phạm Công Thiệu, Phạm Hải Ninh, Nguyễn Công Định, Ngô Thị Lệ Quyên và Nguyễn Khắc Đức. (2021). *Đánh giá đặc điểm ngoại hình và khả năng sản xuất của gà Trụi lông cổ tại huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An*. *Tạp chí Khoa học Công nghệ Chăn nuôi*, 121, 31-40.
- Nguyễn Bá Mùi và Phạm Kim Đăng. (2016). *Khả năng sản xuất của gà Ri và con lai (Ri-Sasso-Lương Phượng) nuôi tại An Dương, Hải Phòng*. *Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam*, 3, 392-399.
- Hồ Xuân Tùng, Nguyễn Văn Đạt, Nguyễn Văn Đồng, Vũ Chí Thiện và Nguyễn Thị Thu Hiền. (2009). *Đánh giá đặc điểm ngoại hình và khả năng sinh trưởng, sinh sản của 3 giống gà Hồ, Mía và Móng (Tiền Phong)*

- tại trại thực nghiệm Liên Ninh. Báo cáo khoa học năm 2008; Phần di truyền - Giống vật nuôi, Viện Chăn nuôi. tr. 286-295.
- Nguyễn Trọng Tuyên. (2017). *Nghiên cứu các đặc điểm kiểu hình, kiểu gen phục vụ cho khai thác và phát triển nguồn gen giống gà Móng Tiên Phong*. Luận án Tiến sĩ Nông nghiệp, Học viện Nông nghiệp Việt Nam. tr. 118-122.
- Lê Đức Thọ, Nguyễn Thị Mùi, Lê Đình Phùng, Nguyễn Hữu Nguyên, Nguyễn Thị Hương và Đinh Văn Dũng. (2024). Khả năng sinh trưởng và sinh sản của gà H're thể hệ 1 nuôi tại Quảng Ngãi. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Chăn nuôi*, 145(6), 24-32.
- Trần Thanh Vân, Đỗ Thị Kim Dung, Vũ Ngọc Sơn và Nguyễn Thị Thúy My. (2015). *Nghiên cứu một số đặc điểm ngoại hình và khả năng sinh sản của giống Lạc Thủy - Hòa Bình. Kỷ yếu Hội nghị Khoa học Chăn nuôi- Thú y toàn quốc, Trường Đại học Cần Thơ*, tr.195-200.
- Nguyễn Duy Vụ, Hồ Xuân Tùng và Nguyễn Thị Hương. (2016). *Hoàn thiện quy trình nhân giống và chăm sóc nuôi dưỡng gà Mía trên địa bàn thành phố Hà Nội*. Báo cáo tổng kết thực hiện dự án Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội 2016.
- Lý Văn Vỹ, Đoàn Trọng Tuấn và Hoàng Văn Trường. (2009). *Kết quả bảo tồn và phát triển giống gà Chọi Bình Định*. Báo cáo kết quả nguồn gen Việt Nam, Viện Chăn nuôi. tr.151-156.
- Tổng cục Thống kê. (2025). *Báo cáo thống kê gia cầm Việt Nam năm 2024*. Hà Nội: Tổng cục Thống kê.
- 2. Tài liệu tiếng nước ngoài**
- Van Duy, N., Moula, N., Dang, P. K., Hiep, D. T., Doan, B. H., Ton, V. D., & Farnir, F. (2015). Ho chicken in Bac Ninh Province (Vietnam): From an indigenous chicken to local poultry breed. *International Journal of Poultry Science*, 14(9), 521-528. DOI: <https://doi.org/10.3923/ijps.2015.521.528>